**BẢN ĐẶC TẢ, MA TRẬN, ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II MÔN CÔNG NGHỆ 6**

**1. Minh họa ma trận đề kiểm tra cuối kì II môn Công nghệ 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng** | | | **% tổng điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | | **Số CH** | | **Thời gian (phút)** |
| **Sô CH** | **Thời gian (Phút)** | **Số CH** | **Thời gian (Phút)** | **Số CH** | **Thời gian (Phút)** | **Số CH** | **Thời gian (Phút)** | **TN** | **TL** |  |  |
| **1** | **I. Trang phục và thời trang** | ***1.1. Các loại vải thông dụng dùng để may trang phục*** | 2 | 2,0 | 1 | 2,0 |  |  |  |  | 4 | 0 | 4,0 | **15** |
| ***1.2. Trang phục*** | 1 | 1,0 | 1 | 2,0 |  |  |  |  | 2 | 0 | 4,0 | **10** |
| **2** | **II.Đồ**  **dùng**  **điện**  **trong gia**  **đình** | ***2.1. Chức năng,***  ***sơ đồ khối, nguyên lí và công dụng của một số đồ dùng điện trong gia đình*** | 2 | 2,0 |  |  | 1 | 15,0 |  |  | 3 | 1 | 14,0 | **30,0** |
| ***2.2. Lựa chọn và sử dụng đồ dùng điện trong gia đình*** | 3 | 3,0 | 4 | 8,0 |  |  | 1 | 1,0 | 5 | 1 | 21,0 | **45,0** |
| ***Tổng*** | | | ***8*** | 8,0 | ***6*** | 12,0 | ***1*** | 15,0 | ***1*** | 10,0 | ***14*** | ***2*** | ***45*** | **100** |
| **Tỉ lệ (%)** | | | **40** | | **30** | | **20** | | **10** | | **70** | **30** | **100** | **100** |
| **Tỉ lệ chung (%)** | | | **70** | | | | **30** | | | |  |  | **100** | **100** |

**2. Bản đặc tả đề kiểm tra cuối kì II môn Công nghệ lớp 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| 1 | **I. Trang phục và thời trang** | ***1.1. Các loại vải thông dụng dùng để may trang phục*** | **Nhận biết:**  - Kể tên được các loại vải thông dụng dùng để may trang phục.  - Nêu được đặc điểm của các loại vải thông dụng dùng để may trang phục.  **Thông hiểu:**  - Trình bày được ưu và nhược điểm của một số loại vải thông dụng dùng để may trang phục.  **Vận dụng:**  Lựa chọn được các loại vải thông dụng dùng để may trang phục phù hợp với đặc điểm cơ thể, lứa tuổi, tính chất công việc. | 2  **Câu 2: Loại vải nào được dệt bằng các sợi có nguồn gốc từ thiên nhiên?**  **A. Vải sợi thiên nhiên**  B. Vải sợi hóa học  C. Vải sợi pha  D. Vải sợi nhân tạo | 2  **Câu 3: Loại vải nào có ưu điểm độ hút ẩm cao, mặc thoáng mát và ít nhàu?**  **A. Vải sợi nhân tạo**  B. Vải sợi tổng hợp  C. Vải sợi pha  D. Vải sợi thiên nhiên  **Câu 4: Loại vải nào có nhược điểm mặc bí, ít thấm mồ hôi?**  A. Vải sợi nhân tạo  B. Vải sợi tổng hợp  C. Vải sợi pha  **D.Vải sợi thiên nhiên** |  |  |
|  |  | ***1.2. Trang phục***  - Vai trò của trang phục trong cuộc sống.  - Kể tên được một số loại trang phục trong cuộc sống.  - Đặc điểm của trang phục | **Nhận biết:**  - Nêu được vai trò của trang phục trong cuộc sống.  - Kể tên được một số loại trang phục trong cuộc sống.  **Thông hiểu:**  - Trình bày được cách lựa chọn trang phục phù hợp với đặc điểm và sở thích của bản thân.  - Trình bày được cách lựa chọn trang phục phù hợp với tính chất công việc và điều kiện tài chính của gia đình.  - Phân loại được một số trang phục trong cuộc sống.  **Vận dụng:**  - Lựa chọn được trang phục phù hợp với đặc điểm và sở thích của bản thân, tính chất công việc, điều kiện tài chính.  **Vận dụng cao:**  Tư vấn được cho người thân việc lựa chọn và phối hợp trang phục phù hợp với đặc điểm, sở thích của bản thân, tính chất công việc và điều kiện tài chính của gia đình. | 2  **Câu 6: Trang phục có vai trò nào sau đây?**  A. Che chở cho con người.  B. Bảo vệ cơ thể con người khỏi tác hại của thời tiết.  C. Góp phần tôn lên vẻ đẹp của con người.  **D. Che chở, bảo vệ cơ thể và góp phần tôn lên vẻ đẹp của con người** | 1  **Câu 9: Để tạo cảm giác gầy đi, cao lên cho người mặc, cần lựa chọn trang phục có đường nét, họa tiết như thế nào?**  A. Kẻ ngang  B. Kẻ ô vuông  C. Hoa to  **D. Kẻ dọc** |  |  |
| 2 | **II. Đồ** **dùng**  **điện**  **trong gia**  **đình** | ***2.1. -Chức năng, - Nguyên lí***  ***- Công dụng của một số đồ dùng điện trong gia đình*** | **Nhận biết:**  - Nêu được công dụng của một số đồ dùng điện trong gia đình (Ví dụ: Nồi cơm điện, bếp điện, đèn điện, quạt điện, máy điều hoà,...).  - Nhận biết được các bộ phận chính của một số đồ dùng điện trong gia đình (Ví dụ: Nồi cơm điện, bếp điện, đèn điện, quạt điện, máy điều hoà,.).  - Nêu được chức năng các bộ phận chính của một số đồ dùng điện trong gia đình (Ví dụ: Nồi cơm điện, bếp điện, đèn điện, quạt điện, máy điều hoà,...).  **Thông hiểu:**  - Mô tả được nguyên lí làm việc của một số đồ dùng điện trong gia đình (Ví dụ: Nồi cơm điện, bếp điện, đèn điện, quạt điện, máy điều hoà,.).  **Vận dụng:**  - Vẽ được sơ đồ khối của một số đồ dùng điện trong gia đình (Ví dụ: Nồi cơm điện, bếp điện, đèn điện, quạt điện, máy điều hoà,.). | **3**  **Câu 5: Cấu tạo của bàn là**  **gồm có:**  **B**. Dây đốt nóng  **C**.Bộ điều chỉnh nhiệt độ  **D. Vỏ bàn là, dây đốt nóng , bộ điều chỉnh nhiệt độ**  **Câu 7: Theo em, tại sao phải lưu ý đến các thông số kĩ thuật?**  Để lựa chọn đồ dùng điện cho phù hợp  Sử dụng đúng yêu cầu kĩ thật  Lựa chọn đồ dùng điện phù hợp và sử dụng đúng yêu cầu kĩ thuật.  Không cần phải chú ý đến thông số kĩ thuật.  **Câu 14. Đại lượng điện định mức chung của đồ dùng điện là:**  A. Điện áp định mức  B. Công suất định mức  C. Điện áp hoặc công suất định mức  **D. Điện áp định mức và công suất định mức** |  | 1  **Câu 15** (2 điểm): Em hãy vẽ sơ đồ khối và trình bày nguyên lí làm việc của nồi cơm điện? |  |
|  | ***2.2. Lựa chọn và sử dụng đồ dùng điện trong gia đình***  **-** Lựa chọn đồ dùng điện trong gia đình tiết kiệm năng lượng.  - Thông số kĩ thuật của đồ dùng điện trong gia đình. | **Nhận biết:**  - Nêu được một số lưu ý khi lựa chọn đồ dùng điện trong gia đình tiết kiệm năng lượng.  - Nêu được cách sử dụng đồ dùng điện trong gia đình đúng cách, tiết kiệm và an toàn.  - Kể tên được một số thông số kĩ thuật của đồ dùng điện trong gia đình.  **Thông hiểu:**  - Đọc được một số thông số kĩ thuật trên đồ dùng điện trong gia đình.  - Giải thích được cách lựa chọn đồ dùng điện trong gia đình tiết kiệm năng lượng.  - Giải thích được cách sử dụng đồ dùng điện trong gia đình đúng cách, tiết kiệm và an toàn.  **Vận dụng:**  - Sử dụng được một số đồ dùng điện trong gia đình đúng cách, tiết kiệm và an toàn.  **Vận dụng cao:**  Lựa chọn được đồ dùng điện tiết kiệm năng lượng, phù hợp với điều kiện gia đình. | 4  **Câu 1. Để đảm bảo an toàn cho đồ dùng điện, cần:**  A. Đặt đồ dùng điện trên bề mặt ổn định  B. Cố định chắc chắn  **C. Đặt đồ dùng điện trên bề mặt ổn định hoặc cố định chắc chắn**.  D. Vận hành đồ dùng điện theo cảm tính.  **Câu 11: Bộ phận nào của bóng đèn sợi đốt phát ra ánh sáng?**  A. Bóng thủy tinh  **B. Sợi đốt**  C. Đuôi đèn  D. Đui đèn  **Câu 12.**Vị trí số 1 là bộ phận nào của bếp hồng ngoại?    A. Mặt bếp  B. Bảng điều khiển  C. Thân bếp  D. Mâm nhiệt hồng ngoại | 5  **Câu 7: Trên một số đồ dùng điện có ghi 220V - 1000W, ý nghĩa của con số này là gì?**  A.Điện áp định  mức: 220V; dung tích: 1000W  **B. Điện áp định mức: 220V; công suất định mức: 1000W**  C. Công suất định mức: 220V; dung tích: 1000W  D. Công suất định mức: 220V; điện áp định mức: 1000W  **Câu 10: Hãy cho biết việc làm nào sau đây là an toàn khi sử dụng điện?**  A. Bật, tắt đèn liên tục  B. Lắp đặt đèn ở nơi ẩm ướt  C. Tháo lắp bóng đèn khi đèn đang sáng  **D. Sử dụng đúng điện áp định mức**  **Câu 13:** **Loại bóng đèn tiêu thụ nhiều điện năng nhất là**  **A. Sợi đốt**  B. Huỳnh quang  C. Compact  D. LED |  | 1  **Câu 16** (1 điểm)**:** Một nhà sản xuất đưa ra các thông tin về độ sáng và công suất tiêu thụ của một số loại bóng đèn như sau:  C:\Users\Administrator\Desktop\cong-nghe-6-bai-11-1.jpg  Nếu một bóng đèn sợi đốt với thông số kĩ thuật 220 V- 40 W bị hỏng, em hãy tham khảo thông tin trên và lựa chọn một loại bóng đèn để thay thế. Giải thích sự lựa chọn của em. |  |

**2.3.1. Bản đặc tả đề kiểm tra cuối kì II môn Công nghệ lớp 6**

*Bảng 2.8. Bản đặc tả đề kiểm tra định kì môn Công nghệ 6.*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 2 | **II. Đồ** **dùng**  **điện**  **trong gia**  **đình** | ***2.1. -Chức năng, - Nguyên lí***  ***- Công dụng của một số đồ dùng điện trong gia đình*** | **Nhận biết:**  - Nêu được công dụng của một số đồ dùng điện trong gia đình (Ví dụ: Nồi cơm điện, bếp điện, đèn điện, quạt điện, máy điều hoà,...).  - Nhận biết được các bộ phận chính của một số đồ dùng điện trong gia đình (Ví dụ: Nồi cơm điện, bếp điện, đèn điện, quạt điện, máy điều hoà,.).  - Nêu được chức năng các bộ phận chính của một số đồ dùng điện trong gia đình (Ví dụ: Nồi cơm điện, bếp điện, đèn điện, quạt điện, máy điều hoà,...).  **Thông hiểu:**  - Mô tả được nguyên lí làm việc của một số đồ dùng điện trong gia đình (Ví dụ: Nồi cơm điện, bếp điện, đèn điện, quạt điện, máy điều hoà,.).  **Vận dụng:**  - Vẽ được sơ đồ khối của một số đồ dùng điện trong gia đình (Ví dụ: Nồi cơm điện, bếp điện, đèn điện, quạt điện, máy điều hoà,.). | **Câu 5: Cấu tạo của bàn là**  **gồm có:**  **B**. Dây đốt nóng  **C**.Bộ điều chỉnh nhiệt độ  **D. Vỏ bàn là, dây đốt nóng , bộ điều chỉnh nhiệt độ**  **Câu 7: Theo em, tại sao phải lưu ý đến các thông số kĩ thuật?**  A. Để lựa chọn đồ dùng điện cho phù hợp  B. Sử dụng đúng yêu cầu kĩ thật  C. Lựa chọn đồ dùng điện phù hợp và sử dụng đúng yêu cầu kĩ thuật.  D. Không cần phải chú ý đến thông số kĩ thuật.  **Câu 14. Đại lượng điện định mức chung của đồ dùng điện là:**   A. Điện áp định mức   B. Công suất định mức   C. Điện áp hoặc công suất định mức   **D. Điện áp định mức và công suất định mức** |  | 1  **Câu 15** (2 điểm): Em hãy vẽ sơ đồ khối và trình bày nguyên lí làm việc của nồi cơm điện? |  |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | ***2.2. Lựa chọn và sử dụng đồ dùng điện trong gia đình***  **-** Lựa chọn đồ dùng điện trong gia đình tiết kiệm năng lượng.  - Thông số kĩ thuật của đồ dùng điện trong gia đình. | **Nhận biết:**  - Nêu được một số lưu ý khi lựa chọn đồ dùng điện trong gia đình tiết kiệm năng lượng.  - Nêu được cách sử dụng đồ dùng điện trong gia đình đúng cách, tiết kiệm và an toàn.  - Kể tên được một số thông số kĩ thuật của đồ dùng điện trong gia đình.  **Thông hiểu:**  - Đọc được một số thông số kĩ thuật trên đồ dùng điện trong gia đình.  - Giải thích được cách lựa chọn đồ dùng điện trong gia đình tiết kiệm năng lượng.  - Giải thích được cách sử dụng đồ dùng điện trong gia đình đúng cách, tiết kiệm và an toàn.  **Vận dụng:**  - Sử dụng được một số đồ dùng điện trong gia đình đúng cách, tiết kiệm và an toàn.  **Vận dụng cao:**  Lựa chọn được đồ dùng điện tiết kiệm năng lượng, phù hợp với điều kiện gia đình. | 4  **Câu 1. Để đảm bảo an toàn cho đồ dùng điện, cần:**  A. Đặt đồ dùng điện trên bề mặt ổn định  B. Cố định chắc chắn  **C. Đặt đồ dùng điện trên bề mặt ổn định hoặc cố định chắc chắn**.  D. Vận hành đồ dùng điện theo cảm tính.  **Câu 11: Bộ phận nào của bóng đèn sợi đốt phát ra ánh sáng?**  A. Bóng thủy tinh  **B. Sợi đốt**  C. Đuôi đèn  D. Đui đèn  **Câu 12.**Vị trí số 1 là bộ phận nào của bếp hồng ngoại?    A. Mặt bếp  B. Bảng điều khiển  C. Thân bếp  D. Mâm nhiệt hồng ngoại | 5  **Câu 7: Trên một số đồ dùng điện có ghi 220V - 1000W, ý nghĩa của con số này là gì?**  A.Điện áp định  mức: 220V; dung tích: 1000W  **B. Điện áp định mức: 220V; công suất định mức: 1000W**  C. Công suất định mức: 220V; dung tích: 1000W  D. Công suất định mức: 220V; điện áp định mức: 1000W  **Câu 10: Hãy cho biết việc làm nào sau đây là an toàn khi sử dụng điện?**  A. Bật, tắt đèn liên tục  B. Lắp đặt đèn ở nơi ẩm ướt  C. Tháo lắp bóng đèn khi đèn đang sáng  **D. Sử dụng đúng điện áp định mức**  **Câu 13:** **Loại bóng đèn tiêu thụ nhiều điện năng nhất là**  **A. Sợi đốt**  B. Huỳnh quang  C. Compact  D. LED |  | 1  **Câu 16** (1 điểm)**:** Một nhà sản xuất đưa ra các thông tin về độ sáng và công suất tiêu thụ của một số loại bóng đèn như sau:  C:\Users\Administrator\Desktop\cong-nghe-6-bai-11-1.jpg  Nếu một bóng đèn sợi đốt với thông số kĩ thuật 220 V- 40 W bị hỏng, em hãy tham khảo thông tin trên và lựa chọn một loại bóng đèn để thay thế. Giải thích sự lựa chọn của em. |

PHÒNG GD&ĐT Thanh Ba  **ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ II**

**TRƯỜNG THCS…. MÔN CÔNG NGHỆ 6 – NĂM HỌC 2021-2022**

*Thời gian làm bài 45 phút không kể thời gian giao đề*

**I. TRẮC NGHIÊM (7 ĐIỂM):**

**Em hãy khoanh vào chữ cái phương án trả lời đúng, đầy đủ nhất cho mỗi câu hỏi sau đây**

**Câu 1. Để đảm bảo an toàn cho đồ dùng điện, cần:**

A. Đặt đồ dùng điện trên bề mặt ổn định

B. Cố định chắc chắn

C. Đặt đồ dùng điện trên bề mặt ổn định hoặc cố định chắc chắn.

D. Vận hành đồ dùng điện theo cảm tính.

**Câu 2: Loại vải nào được dệt bằng các sợi có nguồn gốc từ thiên nhiên?**

A. Vải sợi thiên nhiên

B. Vải sợi hóa học

C. Vải sợi pha

D. Vải sợi nhân tạo

**Câu 3: Loại vải nào có ưu điểm độ hút ẩm cao, mặc thoáng mát và ít nhàu?**

A. Vải sợi nhân tạo

B. Vải sợi tổng hợp

C. Vải sợi pha

D. Vải sợi thiên nhiên

**Câu 4: Loại vải nào có nhược điểm mặc bí, ít thấm mồ hôi?**

A. Vải sợi nhân tạo

B. Vải sợi tổng hợp

C. Vải sợi pha

D.Vải sợi thiên nhiên

**Câu 5: Cấu tạo của bàn là gồm có:**

**A**. Vỏ bàn là                                                **B**. Dây đốt nóng

**C**. Bộ điều chỉnh nhiệt độ                           **D**. Cả 3 đáp án trên

**Câu 6: Trang phục có vai trò nào sau đây?**

A. Che chở cho con người.

B. Bảo vệ cơ thể con người khỏi tác hại của thời tiết.

C. Góp phần tôn lên vẻ đẹp của con người.

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 7: Theo em, tại sao phải lưu ý đến các thông số kĩ thuật?**

A. Để lựa chọn đồ dùng điện cho phù hợp

B. Sử dụng đúng yêu cầu kĩ thật

C. Lựa chọn đồ dùng điện phù hợp và sử dụng đúng yêu cầu kĩ thuật.

D. Không cần phải chú ý đến thông số kĩ thuật.

**Câu 8: Trên một số đồ dùng điện có ghi 220V - 1000W, ý nghĩa của con số này là gì?**

A. Điện áp định mức: 220V; dung tích: 1000W

B. Điện áp định mức: 220V; công suất định mức: 1000W

C. Công suất định mức: 220V; dung tích: 1000W

D. Công suất định mức: 220V; điện áp định mức: 1000W

**Câu 9: Để tạo cảm giác gầy đi, cao lên cho người mặc, cần lựa chọn trang phục có đường nét, họa tiết như thế nào?**

A. Kẻ ngang

B. Kẻ ô vuông

C. Hoa to

D. Kẻ dọc

**Câu 10: Hãy cho biết những việc làm nào sau đây không an toàn?**

A. Bật, tắt đèn liên tục

B. Lắp đặt đèn ở nơi ẩm ướt

C. Tháo lắp bóng đèn khi đèn đang sáng

D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 11: Bộ phận nào của bóng đèn sợi đốt phát ra ánh sáng?**

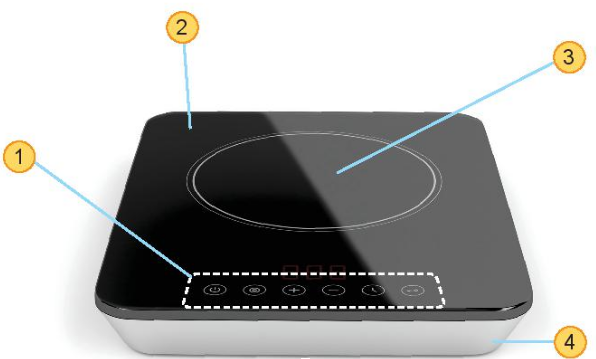
A. Bóng thủy tinh

B. Sợi đốt

C. Đuôi đèn

D. Đui đèn

**Câu 12. Vị trí số 1 là bộ phận nào của bếp hồng ngoại?**



A. Mặt bếp

B. Bảng điều khiển

C. Thân bếp

D. Mâm nhiệt hồng ngoại

**Câu 13:** **Loại bóng đèn tiêu thụ nhiều điện năng nhất là**

 A. Sợi đốt

 B. Huỳnh quang

 C. Compact

 D. LED

**Câu 14. Đồ dùng điện gồm những đại lượng điện định mức chung nào?**

 A. Điện áp định mức

 B. Công suất định mức

 C. Điện áp hoặc công suất định mức

 D. Điện áp định mức và công suất định mức

**II. TỰ LUẬN: (3Đ)**

**Câu 15** (2 điểm): Em hãy vẽ sơ đồ khối và trình bày nguyên lí làm việc của nồi cơm điện?

**Câu 16** (1 điểm)**:** Một nhà sản xuất đưa ra các thông tin về độ sáng và công suất tiêu thụ của một số loại bóng đèn như sau:



Nếu một bóng đèn sợi đốt với thông số kĩ thuật 220 V- 40 W bị hỏng, em hãy tham khảo thông tin trên và lựa chọn một loại bóng đèn để thay thế. Giải thích sự lựa chọn của em.

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

A. TRẮC NGHIỆM (7 điểm) : Mỗi câu đúng 0.5 điểm

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** |
| Đáp án | C | B | A | B | D | D | B |
| **Câu** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** |
| Đáp án | A | D | D | B | B | A | D |

**B. TỰ LUẬN (3 điểm):**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Ý** | **Đáp án** | **Điểm** |
| **Câu 1** | 1  2  3 | - Sơ đồ khối mô tả nguyên lý làm việc của nồi cơm điện  **Nguồn điện**  **Bộ điều khiển**  **Mâm nhiệt**  **Nồi nấu**  - Khi bắt đầu nấu, bộ phận điều khiển cung cấp điện cho bộ phận sinh nhiệt, khi đó nồi làm việc ở chế độ nấu  - Khi cơm cạn, bộ phận điều khiển giảm nhiệt độ của bộ phận sinh nhiệt, nồi chuyển sang chế độ giữ ấm | **1 đ**  **0,5đ**    **0,5đ** |
| **Câu 2** | 1  2 | Em sẽ chọn bóng đèn compact 9 W hoặc bóng đèn LED 5 W để thay thế vì hai bóng đèn đó:  - Cùng độ sáng với bóng đèn bị hỏng.  - Tiết kiệm điện năng hơn so với đèn sợi đốt | **0,5đ**  **0,5đ** |